

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÀN ĐỔI
ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Thành viên lập quỹ, Nhà đầu tư

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Securities Depository, HoChiMinh Stock Exchange, Authorized Participant, Investors

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoàn đổi như sau/ FPT Fund Management Joint Stock Company would like to announce the information after exchange trading:

- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành/ Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Ha Thanh Branch
- Tên quỹ ETF/ETF name: Quỹ ETF FPT Capital VNX50/ FPT Capital VNX50 ETF
- Mã chứng khoán/Securities symbol: **FUEFCV50**
- Địa chỉ trụ sở chính/Main office address: Tầng 7, Khối 17 tầng, tòa nhà FPT Tower, Số 10, Phố Phạm Văn Bạch, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại/Tel: (84)24 - 7300 1313 Fax:
- Ngày giao dịch hoàn đổi/Exchange date: **8/1/2026**
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo DMCKCC đã dùng để hoàn đổi 1 lô ETF như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities Symbol	Volume	Weighting
I,	Chứng khoán (Stock)	1,638,835,000	96.94%
1	ACB	2,020	2.95%
2	BSR	150	0.16%
3	CTG	890	1.97%
4	DCM	400	0.80%
5	DGC	400	1.52%
6	DIG	400	0.41%
7	DPM	700	0.97%
8	EIB	610	0.78%
9	FPT	1,200	6.92%
10	FRT	120	1.08%
11	GEX	630	1.57%
12	GMD	140	0.52%
13	HCM	910	1.20%
14	HDB	2,200	3.79%
15	HPG	2,500	3.93%
16	HSG	520	0.49%
17	IDC	300	0.69%
18	KBC	1,000	2.12%
19	KDH	710	1.32%
20	LPB	1,600	3.98%
21	MBB	2,100	3.32%
22	MSB	1,560	1.16%
23	MSN	600	2.78%
24	MWG	1,000	5.31%
25	NLG	370	0.67%



26	NVL	100	0.08%
27	PDR	700	0.78%
28	PNJ	500	3.03%
29	POW	1,120	0.90%
30	PVD	350	0.62%
31	PVS	370	0.79%
32	SHB	1,500	1.46%
33	SHS	550	0.63%
34	SSI	2,000	3.56%
35	STB	600	1.90%
36	TCB	2,200	4.74%
37	VCB	1,050	3.70%
38	VCG	500	0.66%
39	VCI	400	0.82%
40	VHM	200	1.77%
41	VIB	850	0.91%
42	VIC	800	8.47%
43	VIX	200	0.26%
44	VJC	300	3.72%
45	VND	650	0.74%
46	VNM	1,000	3.60%
47	VPB	1,100	1.90%
48	VPI	100	0.34%
49	VRE	500	1.14%
II,	Tiền (Cash)	51,737,569	3.06%
II,	Tổng (Total) (I+II)	1,690,572,569	100.00%

-Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi /Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

-Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: 1,638,835,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,690,572,569

- Giá trị chênh lệch/Difference in value: (VND) 51,737,569

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/With cash component:

Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer cash component

Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

Mã chứng khoán/Securities symbol	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)/Cash amount is replaced for 1 share (VND)	Đối tượng áp dụng/Applied investors	Lý do/State the reason
ACB	27,115	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
MBB	29,370	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
MWG	98,780	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

PNJ	112,860	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
TCB	40,040	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
VIB	19,855	Nhà đầu tư nước ngoài/ Foreign Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/ Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/ This period (*) 8/1/2026	Kỳ trước/ Previous period (**) 7/1/2026	Chênh lệch/Changes
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/Issued Shares	5,300,000	5,300,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closed price	15,130	15,330	(200)
5. Giá trị tài sản ròng/ Net Asset Value			
Của quỹ ETF/ of the Fund	89,600,346,189	88,045,318,957	1,555,027,232
Của một lô ETF/per Creation Unit	1,690,572,569	1,661,232,433	29,340,136
Của một chứng chỉ quỹ/ per Share	16,905.72	16,612.32	293.4
6. Chỉ số tham chiếu/ Benchmark Index	3,418.17	3,448.71	-30.5

(*)Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 7/1/2026

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 6/1/2026

Authorised Representative to disclose information



Nguyễn Thành Long

Người được ủy quyền công bố thông tin

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư FPT

Ngày ký

9/1/2026

